

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TỨ KỲ
TỈNH HẢI DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 30/2025/HNGĐ-ST.

Ngày: 13 - 6 - 2025.

"V/v xác định cha cho con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TỨ KỲ - TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Mỹ Như.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Chu Quang Liêm.

2. Bà Nguyễn Thị Hồng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Văn Hùng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 20/2025/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 02 năm 2025 về việc tranh chấp *"Xác định cha cho con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2025/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 5 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 17/2025/QĐST – HNGĐ ngày 29 tháng 5 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phạm Thị H, sinh năm 199x; địa chỉ: Thôn N, xã V, huyện TK, tỉnh H. Căn cước công dân số 030198003779.

- Bị đơn: Anh Phan Đức Anh T, sinh năm 199x; Nơi ĐKKHKT: Khối Bắc M, phường Q, thị xã H, tỉnh N; địa chỉ: Thôn N, xã V, huyện TK, tỉnh H. Căn cước công dân số 040099012zzz

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

+ Anh Nguyễn Đức T1, sinh năm 1991; địa chỉ: Thôn T, xã L, huyện T K, tỉnh Hải Dương. Căn cước công dân số 030091001xxx.

+ Cháu Phạm Nhật N (tên khác: Phan Nhật N), sinh ngày 21/10/202x (tên dự định đặt theo giấy chứng sinh).

Người giám hộ cho cháu Nam là chị Phạm Thị H, sinh năm 1998; địa chỉ: Thôn N, xã Vô, huyện TK, tỉnh H.

(Chị H , anh T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh T1 vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, biên bản lấy lời khai, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Phạm Thị H trình bày:

Chị và anh Nguyễn Đức T1 là vợ chồng. Quá trình chung sống, do mâu thuẫn nên chị và anh T1 ly hôn theo Bản án sơ thẩm số 273/2024/HNGĐ - ST ngày 05/8/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương. Năm 2024, trong thời gian sống ly thân với anh T1, chị quen biết, có quan hệ tình cảm với anh Phan Đức Anh T . Chị H mang thai và ngày 21/10/202x , chị sinh cháu Phạm Nhật N (Phan Nhật Nam, tên dự kiến đặt theo giấy chứng sinh). Chị H xác định cháu Phạm Nhật N (Phan Nhật N) là con của anh Phan Đức Anh T nhưng do chị mang thai và sinh con chưa đủ 300 ngày sau khi chị và anh T1 ly hôn nên chị H chưa làm được giấy khai sinh cho cháu Phạm Nhật N (Phan Nhật N theo đúng cha đẻ là anh Phan Đức Anh T .

Chị H yêu cầu Tòa án xác định anh Phan Đức Anh T là bố đẻ của cháu Phạm Nhật N (Phan Nhật N), sinh ngày 21/10/2024 và đề nghị Tòa án tiến hành giám định ADN theo quy định làm căn cứ giải quyết yêu cầu của chị.

Tại biên bản lấy lời khai, bị đơn anh Phan Đức Anh T trình bày: Năm 2024, anh quen biết và có quan hệ tình cảm với chị Phạm Thị H khi đó anh không biết chị H đang có chồng là anh Nguyễn Đức T1 . Tháng 02/2024 chị H có thai. Ngày 05/8/2024 chị H và anh Nguyễn Đức T1 ly hôn theo bản án số 273/2024/HNGĐ – ST ngày 05/8/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương. Ngày 21/10/2024 chị H sinh con là cháu Phạm Nhật N (Phan Nhật Nam), (tên dự kiến đặt theo giấy chứng sinh). Anh T xác định cháu Phạm Nhật N (Phan Nhật Nam) là con đẻ của anh. Ngày 10/02/2025, anh và chị H làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Văn Tố, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương. Do chị H mang thai, sinh con chưa đủ 300 ngày sau khi chị H và anh T1 ly hôn nên chị H chưa làm được giấy khai sinh cho cháu Phạm Nhật N (Phan Nhật N). Nay chị H muốn làm giấy khai sinh cho cháu Phạm Nhật N (Phan Nhật N) để xác định anh là bố đẻ của cháu Phạm Nhật N (Phan Nhật N), sinh ngày 21/10/2024. Anh T thống nhất việc Tòa án lấy mẫu giám định của anh và cháu Phạm Nhật N (Phan Nhật N), tiến hành giám định ADN để làm căn cứ giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Nguyễn Đức T1 : Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành các thủ tục tổng đạt văn bản, tài liệu cho anh T1 nhưng anh không đến Tòa án làm việc, không có bản tự khai cũng như văn bản thể hiện ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và vắng mặt trong quá trình Tòa án tiến hành các thủ tục tố tụng giải quyết vụ án.

Tại Bản kết luận giám định ADN số: 2502/DNA.86 ngày 20 tháng 02 năm 2025 của Công ty cổ phần công nghệ gen ứng dụng Việt Nam kết luận: Phan Đức Anh T có quan hệ huyết thống cha - con với Phạm Nhật N (Phan Nhật N) với xác suất > 99,9999%.

Tại phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn đều có đơn, đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt tại phiên tòa và vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tứ Kỳ tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ Điều 88, 101, khoản 2 Điều 102 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về.... án phí, lệ phí Tòa án, giải quyết như sau: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị H. Xác định anh Phan Đức Anh T là cha đẻ của cháu Phạm Nhật N (Phan Nhật N, tên dự kiến đặt theo giấy khai sinh), sinh ngày 21/10/2024. Về án phí sơ thẩm: Miễn nộp tiền án phí sơ thẩm cho chị H. Anh Phan Đức Anh T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tiến hành thủ tục tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho các đương sự, tuy nhiên nguyên đơn, bị đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt những người tham gia tố tụng nêu trên theo quy định tại Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Trên cơ sở lời trình bày của đương sự, các tài liệu trong hồ sơ vụ án thể hiện, chị Phạm Thị H và anh Nguyễn Đức T1 là vợ chồng. Do phát sinh mâu thuẫn, bất đồng về quan điểm sống nên ngày 05/8/2024, chị H và anh T1 đã ly hôn theo Bản án sơ thẩm số 273/2024/HNGĐ - ST ngày 05/8/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương. Trong thời gian sống ly thân với anh T1, chị H quen biết, có quan hệ tình cảm với anh Phan Đức Anh T và mang thai. Ngày 21/10/2024, chị H sinh 01 bé trai, tên dự kiến đặt theo giấy khai sinh là Phạm Nhật N (Phan Nhật N) tại Bệnh Viện phụ sản Hải Dương. Chị H xác định cháu Nam là con của anh Phan Đức Anh T. Anh T cũng thống nhất lời trình bày của chị H nhưng do khoảng thời gian chị H mang thai và sinh con chưa đủ 300 ngày tính từ thời điểm chị và anh T1 chấm dứt hôn nhân nên chị H chưa thể làm giấy khai sinh cho cháu Nam theo đúng tên cha đẻ của cháu được. Nay chị H yêu cầu Tòa án xác định anh Phan Đức Anh T là cha đẻ của cháu Phạm Nhật N (Phan Nhật N) (tên dự kiến đặt theo giấy khai sinh), sinh ngày 21/10/2024.

[3] Xét yêu cầu của chị Phạm Thị H, Hội đồng xét xử xét thấy: Chị H và anh T đều xác định cháu Phạm Nhật N (Phan Nhật N) (tên dự kiến đặt theo giấy

khai sinh), sinh ngày 21/10/2024 là con của anh Phan Đức Anh T . Trong quá trình giải quyết vụ án, chị H đề nghị giám định ADN để xác định quan hệ huyết thống giữa cháu N với anh Phan Đức Anh T . Tại bản kết luận giám định ADN số: 2502/DNA.86 ngày 20 tháng 02 năm 2025 của Công ty cổ phần công nghệ gen ứng dụng Việt Nam kết luận: Phan Đức Anh T có quan hệ huyết thống cha - con với Phạm Nhật N (Phan Nhật N) với xác suất > 99,9999%. Điều này thể hiện giữa anh T và cháu N có mối quan hệ huyết thống cha – con. Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Nguyễn Đức T1 , mặc dù anh không đến Tòa để trình bày quan điểm nhưng qua thông tin từ người thân của anh thể hiện anh T1 biết việc Tòa án đang thụ lý giải quyết yêu cầu của chị H , anh cũng xác định cháu N không phải là con của anh nhưng do anh đi làm ăn xa không về tham gia tổ tụng được. Từ phân tích nêu trên, căn cứ vào Điều 88; Điều 101, khoản 2 Điều 102 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị H, xác định anh Phan Đức Anh T cha đẻ của Phạm Nhật N (Phan Nhật N), sinh ngày 21/10/2024.

[4] Về chi phí tố tụng khác: Chị H tự nguyện chịu chi phí giám định và đã tự thanh toán cho công ty thực hiện giám định nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí: Do chị H được chấp nhận yêu cầu nên anh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 5 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu.....và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chị H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và trả lại cho chị H tiền tạm ứng án phí sơ thẩm chị đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 88; Điều 101, khoản 2 Điều 102 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị H.

Xác định anh Phan Đức Anh T , sinh năm 1999, Nơi ĐKKHKT: Khối Bắc M, phường Q, thị xã H, tỉnh N; địa chỉ: Thôn N, xã V, huyện TK, tỉnh (căn cước công dân số: 040099012xxx) là cha đẻ của cháu Phạm Nhật N (Phan Nhật N) (tên dự kiến đặt theo giấy khai sinh), sinh ngày 21/10/2024.

2. Về án phí:

Anh Phan Đức Anh T phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình.

Trả lại cho chị H số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm mà chị đã nộp là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án

số: 0005846 ngày 10 tháng 02 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương.

3. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Tứ Kỳ;
- Chi cục THA dân sự huyện Tứ Kỳ;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VP;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Mỹ Như